

VỀ DỊCH TIÊU ĐỀ PHIM TÂM LÝ XÃ HỘI TRUNG QUỐC

PHAM NGOC HÀM¹

QUÁCH THI HOÀ²

Abstract: Foreign film industry including Chinese movies has occupied a special place in the heart of Vietnamese viewers and this draws people's attention to the movie translation. During the process of movie translation, the translated titles must reflect closely the titles in the source language and must also appeal to the viewers. An analysis of the current movie translation shows that title, after translated, is somewhat irrelevant to the source language and is far from related to the message of movie. In this article, some methods and techniques such as survey, statistics, analysis, compare-contrast, and the translated titles collected from contemporary Chinese psychological movies, are used to point out the advantages and disadvantages of movie title translation, and to make some suggestions with the purpose of enhancing the quality of translating Chinese psychological movies in general and translating movie titles in particular in Vietnam.

Key words: Title, Chinese psychological movies, translation, suggestion.

1. Mở đầu

Hàng ngày, nếu ta theo dõi các kênh truyền hình sẽ thấy rất nhiều phim nước ngoài, trong đó phim Trung Quốc chiếm tỉ lệ tương đối lớn, được phát sóng thường xuyên, thu hút đông đảo khán giả. Phim truyền hình Trung Quốc đã chiếm được cảm tình và trở thành thói quen giải trí lành mạnh của nhiều thế hệ người Việt Nam ưa chuộng điện ảnh. Tuy nhiên, nếu quan tâm đối chiếu nguyên bản với bản dịch, chúng ta không khó phát hiện một số lời dịch nội dung phim nói chung và tiêu đề nói riêng còn tồn tại nhiều bất cập, thể hiện ở những phương diện như không phù hợp với phong cách của người bản ngữ, phiên âm Hán Việt thiếu chính xác, thậm chí sai lệch thông tin mà văn bản nguồn cần truyền đạt.

Không phải ngẫu nhiên mà người ta thường nói dịch giả là tác giả thứ hai của văn bản nguồn. Dịch giả ngoài những phẩm chất cần có như trình độ lý giải, vận dụng ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích trên các bình diện từ vựng, ngữ pháp và những nhân tố văn hóa hữu quan, còn cần có kiến thức nền về văn hóa xã hội để tái tạo văn bản nguồn sang một văn bản tương ứng dưới hình thức ngôn ngữ khác. Mỗi ngôn ngữ trên thế giới đều có những khác biệt về loại hình, đặc điểm ngữ âm, văn tự và phương thức ngữ pháp, đặc biệt là sự chi phối bởi các nhân tố văn hóa dân tộc và đặc điểm tri nhận về thế giới khách quan khác nhau, dẫn đến ý nghĩa liên tưởng của từ vựng cũng khác nhau. Tất cả những lí do trên đã tạo ra sự chênh lệch về phương thức biểu đạt tư tưởng tình cảm của mỗi dân tộc, thậm chí là mỗi thành viên trong xã hội. Sự chênh lệch đó chính là trở ngại lớn nhất cho công tác dịch thuật.

Tiếng Hán và tiếng Việt đều thuộc loại hình âm tiết tính, không biến hình. Trải qua quá trình tiếp xúc ngôn ngữ, tiếng Việt đã tiếp nhận một lượng lớn từ vựng tiếng Hán làm giàu cho tiếng Việt. Tuy nhiên, quá trình tiếp biến về mặt từ vựng đã khiến cho từ mượn tiếng Hán sau khi gia nhập hệ thống từ vựng tiếng Việt có những biến đổi nhất định về ngữ âm, từ loại và nghĩa. Điều đó khiến cho từ gốc Hán

¹ Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

² Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

trở thành “con dao hai lưỡi” đối với người sử dụng. Hơn nữa, mức độ Việt hóa của từ Việt gốc Hán cũng khác nhau, trong quá trình chuyển dịch, nếu lạm dụng từ Hán Việt sẽ khiến cho người đọc, người nghe khó hiểu, thậm chí là hiểu sai ý nghĩa của nguyên tác.

Trung Quốc có một kho tàng văn học cổ đại đồ sộ với nhiều tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng thế giới như *Tam quốc diễn nghĩa*, *Thủy Hử truyện*, *Hồng lâu mộng*,... đã được chuyển thể kịch bản và dựng thành tác phẩm điện ảnh cùng tên hết sức quen thuộc với khán giả Việt Nam. Chuyển dịch tiêu đề các tác phẩm điện ảnh như thế chỉ cần phiên qua âm Hán Việt là có thể chấp nhận được. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi không tập trung khảo sát tiêu đề các tác phẩm điện ảnh truyền thống mà chỉ tập trung vào các tác phẩm hiện đại. Bằng các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu như khảo sát thực tiễn, thống kê, phân tích, so sánh đối chiếu, trên ngữ liệu lời dịch tiêu đề một số phim truyền hình Trung Quốc hiện đại thuộc mảng đề tài tâm lý xã hội, chúng tôi tiến hành thảo luận, chỉ ra những ưu, nhược điểm và đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dịch phim truyền hình nói chung và tiêu đề phim tâm lý xã hội Trung Quốc nói riêng ở Việt Nam.

2. Đôi nét về tiêu đề và dịch tiêu đề

Về khái niệm tiêu đề, *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại* (现代汉语规范词典) giải thích rằng, đó là những câu từ ngắn gọn thể hiện rõ nội dung của bài văn hoặc tác phẩm (标明文章、作品等内容的简短语句) [13, tr. 61]. Tiêu đề đóng vai trò vô cùng quan trọng quyết định mức độ thu hút khán thính giả. Vũ Quang Hào [5], Đỗ Thị Thanh Huyền [8] đã coi tiêu đề bao gồm tiêu đề tác phẩm văn học, bài báo, bài học,... là “đôi mắt”, là “cửa sổ” của tác phẩm, bởi lẽ người thưởng thức tác phẩm bao giờ cũng “liếc” qua tiêu đề rồi mới đến nội dung. Một tiêu đề hay vừa phải có giá trị khái quát tư tưởng nội dung hoặc nét đặc sắc của tác phẩm, vừa phải trau chuốt ngôn từ mới có thể cuốn hút khán giả. Với vai trò là “tác giả thứ hai”, dịch giả trước hết phải trân trọng giá trị của đưa con tinh thần mà tác giả đã dốc tâm huyết cho sự ra đời, đồng thời phải dày công cân nhắc để đưa ra một hình thức ngôn ngữ khác tương ứng đúng với tinh thần của bản nguồn. Trong thời đại kinh tế thị trường đã đi vào mọi lĩnh vực đời sống hiện nay, tiêu đề phim ảnh cũng như các ấn phẩm đều cần có giá trị quảng cáo giống như tên gọi của các thương phẩm, nhằm thu hút khán giả, nâng cao giá trị kinh tế và văn hóa của tác phẩm.

Tiêu đề các tác phẩm nghệ thuật nói chung và tiêu đề phim nói riêng còn phải ngắn gọn, dễ nhớ, có thể gieo vào lòng người đọc, người nghe ấn tượng ngay từ lần đầu tiếp xúc. Theo thống kê của chúng tôi, trong 58 bộ phim tâm lý xã hội Trung Quốc được phát sóng trên các kênh đài truyền hình Việt Nam, như VTV1, VTV3 từ khoảng năm 2001 đến nay mà chúng tôi thu thập được, số âm tiết trên tiêu đề xê dịch từ 2 đến 9, không có trường hợp 1 và trên 9 âm tiết. Cụ thể như bảng sau:

Bảng 1: Bảng thống kê số lượng âm tiết trong tiêu đề phim tâm lý xã hội Trung Quốc

STT	Số âm tiết	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	2	02	3,45
2	3	03	5,17
3	4	18	31,03
4	5	12	20,69
5	6	08	13,80
6	7	10	17,24
7	8	04	6,90
8	9	01	1,72
Tổng		58	100

Sau khi chuyển dịch sang tiếng Việt, phần lớn số âm tiết trong mỗi tiêu đề đều thay đổi, có khi tăng lên, có khi giảm đi. Tuy nhiên, vẫn có những dịch giả rất chú ý đến việc tạo ra lời dịch ngắn gọn, có tính tiết tấu, góp phần làm tăng thêm giá trị nghệ thuật của tiêu đề.

Về khái niệm phiên dịch, *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại* giải thích rằng: “Phiên dịch là động từ chỉ hành vi biểu đạt ngôn ngữ văn tự này bằng một ngôn ngữ văn tự khác; biểu đạt kí hiệu hoặc mã số tiêu biểu cho ngôn ngữ văn tự bằng một ngôn ngữ văn tự khác” (把某种语言文字用另一种语言文字表达出来；把代表语言文字的符号或数码用语言文字表达出来) [13, tr. 284].

Trên cơ sở định nghĩa về dịch của các học giả đi trước, chúng tôi cho rằng, dịch là một hành vi ngôn ngữ đặc biệt, cũng là quá trình chuyển ngữ sao cho ngôn bản nguồn và ngôn bản đích đạt được sự thống nhất cao về nội dung cũng như phong cách biểu đạt. Mỗi ngôn ngữ trên thế giới đều có những đặc điểm riêng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, do đó trong quá trình chuyển dịch từ ngôn bản nguồn sang ngôn bản đích sẽ khó có thể đạt được sự tương ứng hoàn toàn. Ngoài nhân tố ngôn ngữ, nhân tố văn hóa dân tộc cũng ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình chuyển dịch. “Người dịch cần cố gắng sao cho ý định của tác giả ngôn bản nguồn phù hợp với sự mong đợi của người đọc bản dịch. Muốn làm được điều đó, người dịch trước hết phải thông qua những đầu mối giao tiếp thể hiện trên các phương diện như ngữ âm, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, thể tài của ngôn bản nguồn để thể hiện đúng ý đồ giao tiếp của tác giả, sau đó căn cứ vào ngữ cảnh tiềm tàng hoặc môi trường nhận thức của người đọc bản dịch, chọn trong những đáp án có liên quan một hình thức biểu đạt tốt nhất” (译者应尽量使原文作者的意图与译文读者的期待相符。要做到这一点，译者必须先通过原文的语音、句法、语义、语用、文体等层面的交际线索体察出作者的交际意图，然后根据译文读者的潜在语境或认识环境，在有关联的数个答案中选取关联性最佳的那一个) [15]. Có thể nói, người dịch đóng vai trò cầu nối giữa ngôn bản nguồn và ngôn bản đích, đòi hỏi phải có hiểu biết đầy đủ về các tri thức ngôn ngữ văn hóa cần thiết để hiểu đúng tinh thần ngôn bản nguồn và vận dụng tri thức, kĩ năng, kĩ xảo để xử lí câu từ, tái tạo ra tác phẩm tương ứng bằng ngôn ngữ đích phù hợp với nội dung và hình thức ngôn bản nguồn.

Trong quá trình dịch, dịch giả cần căn cứ vào ngữ cảnh để vận dụng phương pháp dịch âm, dịch nghĩa hay kết hợp âm và nghĩa, đồng thời vận dụng chiến lược dịch thuật để thêm, bớt hoặc hoán đổi từ, lựa chọn cấu trúc câu cũng như hình ảnh ví von so sánh..., cho phù hợp. Để đạt được mục đích đó, dịch giả phải không ngừng nâng cao năng lực phân tích ngữ cảnh nhằm tìm ra sự tương quan giữa ngôn bản nguồn và ngôn bản đích. “Phân tích ngữ cảnh là hình dung ra hoàn cảnh, môi trường trong đó ngôn bản được tạo ra” và “tìm được trong ngôn ngữ đích những phương tiện biểu đạt tối ưu, phù hợp với thói quen ngôn ngữ của người tiếp nhận bản dịch” [10, tr.396]. Tất cả nhằm đạt được tiêu chuẩn “tín, đạt, nhã”, đặc biệt là “tín” trong dịch thuật.

Về nghiên cứu tiêu đề nói chung, gần đây ở nước ta có luận án tiến sĩ *Nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ và cách chuyển dịch sang tiếng Việt tiêu đề bài báo Trung Quốc từ đầu thế kỉ 21 đến nay (dựa trên ngữ liệu Nhân dân nhật báo)* [11]. Luận án đã dành một chương khảo sát phương thức dịch 300 tiêu đề báo chí tiếng Hán sang tiếng Việt của các chuyên gia trên lĩnh vực đối dịch Hán Việt. Qua phân tích kết quả khảo sát, tác giả đã chỉ ra nguyên nhân của một số hạn chế trong lời dịch và đưa ra kiến nghị nhằm cải thiện chất lượng dịch tiêu đề bài báo. Ngoài ra, còn có khá nhiều bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành như: Hoàng Anh [1] với *Thử phân loại tiêu đề các văn bản báo chí*, Nguyễn Thị Vân Đông [2] với *Những đặc trưng ngôn ngữ của tiêu đề báo chí tiếng Anh và tiếng Việt*

trên bình diện nghĩa học, Đỗ Thị Thanh Huyền [7], [8] với *Bàn về đặc điểm đầu đề bài viết trên báo Nhân dân và Đặc điểm đầu đề bài viết trên “Nhân dân Nhật báo” Trung Quốc và những vấn đề liên quan trong dịch thuật*, Nguyễn Thị Thanh Hương [9] với *Một số nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ các đầu đề trong báo chí tiếng Anh hiện đại...*, đều là những bài viết khá chuyên sâu về đặc điểm của tiêu đề bài báo. Các tác giả đều có chung nhận định, tiêu đề bài báo có chức năng truyền tải thông tin mà tác giả bài báo cần truyền đạt một cách ngắn gọn nhất, có thể thu hút sự quan tâm của độc giả nhất và trong chừng mực nhất định, có bài đã đề cập đến vấn đề chuyển dịch tiêu đề.

Ngoài nghiên cứu về tiêu đề bài báo, còn có những nghiên cứu về tiêu đề bài học, tiêu đề văn bản hợp đồng..., chẳng hạn như Phạm Ngọc Hàm, Ngô Minh Nguyệt [3] với bài *Đôi nét về đặc điểm tiêu đề bài học trong giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán*; Phạm Ngọc Hàm [4] với *Đặc điểm tiêu đề văn bản hợp đồng tiếng Hán trong tương quan với tiếng Việt*. Trong những nghiên cứu này, các tác giả cũng đề cập đến việc chuyển dịch tiêu đề sang tiếng Việt sao cho vừa đảm bảo chuẩn xác về thông tin mà tiêu đề cần truyền đạt, vừa đảm bảo hình thức ngôn ngữ trong sáng, có sức hấp dẫn. Đáng chú ý là, tiêu đề bài học 购物让我欢喜让我忧 (mua đồ khiến tôi thích thú, khiến tôi lo lắng), đã được tác giả Phạm Ngọc Hàm chuyển dịch thành *Nỗi niềm mua sắm*. Lời dịch vừa ngắn gọn, vừa bộc lộ hết được ngụ ý của nguyên bản, có sự gia công tinh tế bằng cách dùng *nỗi niềm* thay cho *niềm vui, niềm yêu thích* (欢喜) và *nỗi buồn* (忧) cùng xuất hiện trong tiêu đề nguồn, đồng thời chuyển đổi cấu trúc động tân *mua đồ* (购物) thành động từ liên hợp *mua sắm*, lược bớt *khiến tôi* (让我). Đó là cách chuyển dịch linh hoạt, thêm bớt, hoán đổi hợp lí, tạo ra lời dịch vừa ngắn gọn, chuẩn về nội dung, vừa đảm bảo tính tiết tấu của hình thức ngôn ngữ. Những nghiên cứu trên đã gợi mở cho chúng tôi trong quá trình thực hiện bài viết này.

3. Kết quả khảo sát thực trạng dịch tiêu đề phim tâm lí xã hội Trung Quốc

Để có được cơ sở thực tế phục vụ phân tích, đánh giá, chúng tôi đã thu thập được 58 tiêu đề phim Trung Quốc hiện đại thuộc đề tài tâm lí xã hội đã được phát sóng trên truyền hình Việt Nam những năm gần đây và lời dịch tiếng Việt tương ứng. Dựa trên thực trạng lời dịch, chúng tôi chia ra các tiêu loại như sau: (1) Giữ nguyên trạng, chỉ phiên chuyển qua âm Hán Việt; (2) Vận dụng thủ pháp thêm bớt, hoán đổi từ ngữ, cấu trúc vừa đảm bảo hình thức ngôn ngữ phù hợp cách biểu đạt của tiếng Việt, vừa giữ được nội dung thông tin; (3) Chuyển dịch hoàn toàn tương ứng cả về nội dung và hình thức ngôn ngữ; (4) Thay đổi hoàn toàn hình thức và nội dung tiêu đề nguồn, tạo tiêu đề mới nhưng vẫn phù hợp nội dung tư tưởng của bộ phim, chúng tôi gọi loại này là “phóng tác”; (5) Thay đổi hình thức ngôn ngữ, không bám sát nội dung, xa rời nguyên bản. Kết quả khảo sát thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Bảng thống kê thực trạng dịch tiêu đề phim tâm lí xã hội Trung Quốc

Tên tiêu loại	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ	
			Tiêu đề nguyên bản	Tiêu đề đã dịch
1. Giữ nguyên trạng	02	03,45	南方有乔木	<i>Nam phương hữu kiều mộc</i>
2. Thêm bớt, hoán đổi	32	55,17	篱笆女人和狗	<i>Hàng rào nghiệt ngã</i>
3. Chuyển dịch hoàn toàn	09	15,52	杉杉来了	<i>Sam Sam tới rồi</i>
4. Tạo tiêu đề mới phù hợp	11	18,96	何以笙箫默	<i>Bên nhau trọn đời</i>
5. Thay đổi hình thức, xa rời nguyên bản	04	06,90	你的生命如此多情	<i>Tình yêu lớn trong đời</i>
Tổng	58	100		

Từ kết quả khảo sát thể hiện trên bảng thống kê có thể thấy, trường hợp giữ nguyên trạng, chỉ phiên chuyển qua âm Hán Việt chiếm tỉ lệ rất thấp, chẳng hạn như 南方有乔木 *Nam phương hữu kiêu mộc*, đây là bộ phim do Lâm Nghiên (林妍) đạo diễn, tái hiện mối tình không ngờ của cô gái luôn mơ tưởng về một thế giới phi hành không người lái. Nói đến *Nam phương hữu kiêu mộc*, người ta sẽ liên tưởng ngay đến tác phẩm *Nam hữu kiêu mộc* (南有乔木) - tác phẩm đầu tay của nhà văn Cố Thiển Ý (顾浅意) viết về ước mơ và sự tan vỡ, tình yêu thương và lòng thù hận, đồng thời cũng liên tưởng đến bài thơ *Nam hữu kiêu mộc* với hai câu đầu là *Nam hữu kiêu mộc, bất khả hưu tư* (南有乔木, 不可休思: Phương nam có cây cao bóng cả, không thể nguôi nổi nhớ nhung) trong *Kinh thi - Quốc phong, Chu nam, Hán quảng* (诗经 – 国风 · 周南 · 汉广). Có thể nói, tiêu đề nguồn bộ phim này thuộc dạng bình cũ rượu mới, hơn nữa, dịch giả không dịch mà chỉ dừng lại ở việc phiên âm Hán Việt, có lẽ vì mục đích giữ lại mối liên hệ giữa tên phim và tên nhân vật chính trong phim, kết quả là với những khán giả am hiểu tiếng Hán đồng thời có một chút vốn Hán ngữ cổ đại sẽ có thể hiểu và rất tâm đắc với tiêu đề này. Ngược lại, những người không có trình độ tiếng Hán nhất định sẽ rất mơ hồ, thậm chí không hiểu khi lần đầu tiếp xúc. Theo quan điểm của chúng tôi, xuất phát từ nghĩa của *kiêu mộc* là “cây cao, thân thẳng, tán lá rộng”, tiêu đề này nên dịch thành *Phương nam có cây cao bóng cả* hoặc *Đại thụ phương nam* sẽ dễ hiểu hơn và tránh được tình trạng lậm dụng từ Hán Việt. Từ nghĩa gốc, khán giả có thể liên hệ đến nghĩa ẩn dụ của *kiêu mộc* để lĩnh hội nội dung tư tưởng của bộ phim. Trường hợp này cần được gia công, chuyển hóa ngôn từ, tiện cho đông đảo khán giả lí giải và tiếp nhận.

Trường hợp thứ hai là vận dụng thủ pháp thêm bớt, hoán đổi từ ngữ, cấu trúc vừa đảm bảo hình thức ngôn ngữ phù hợp cách biểu đạt của tiếng Việt, vừa giữ được nội dung thông tin. Thực tế khảo sát cho thấy, đa số phim do dịch giả có trình độ ngôn ngữ cao, kết hợp với năng lực xử lí ngôn từ điêu luyện đã đưa ra được lời dịch thuộc loại này. Đáng lưu ý nhất là lời dịch phim 致我们单纯的小美好 do Đường Bân (唐彬) và Dương Long (杨龙) làm đạo diễn. Tiêu đề nguồn gồm 8 âm tiết, tính tiết tấu không rõ ràng, nhưng dịch giả đã rất khéo léo phiên chuyển thành *Gửi thời thanh xuân ngày thơ tươi đẹp* cũng gồm 8 âm tiết chia làm hai nhịp 4:4, tính tiết tấu của lời dịch khá rõ nét. Với lời dịch này, 小美好 (tiểu mỹ hảo) đã được chuyển thành *ngày thơ tươi đẹp*, trong đó *ngày* là một đơn vị thời gian dù nghĩa gốc hay nghĩa bóng đều chỉ khoảng thời đoạn không dài, ở chừng mực nhất định đã thể hiện được nghĩa của từ 小 (tiểu/ nhỏ/ ngắn ngủi) của nguyên bản. Từ 致 (trí/ gửi/ đưa tới/ dẫn tới) cũng được thể hiện trong lời dịch, nhưng 我们 (chúng tôi/ chúng ta) và 单纯 (đơn thuần) đã bị lược bỏ. Tuy nhiên, với độ khó của cụm từ 小美好 cũng như tương quan giữa tiêu đề và tổng thể nội dung phim, dịch giả chuyển dịch như vậy là rất thành công, vừa đảm bảo nội dung vừa giữ được phong cách ngôn ngữ trong tiêu đề nguồn ở chừng mực cho phép. Để có được “đứa con tinh thần” như vậy, dịch giả không chỉ quan tâm đến đặc điểm của tiêu đề nguồn mà còn phải thẩm nhuần tư tưởng nội dung của cả bộ phim và diễn biến tâm lí nhân vật. Tiếp đó phải kể đến phim 篱笆女人和狗 (Hàng rào, người đàn bà và con chó) do Trần Vũ Điền (陈雨田) làm đạo diễn, kịch bản của Hàn Chí Quân (韩志君) và Hàn Chí Thần (韩志晨). Nếu như dịch giả trung thành với nguyên bản, dịch tên đầy đủ ba đối tượng gồm hàng rào, người đàn bà, con chó vẫn có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, do thẩm nhuần tư tưởng nội dung tác phẩm là tái hiện nỗi bất hạnh của người phụ nữ chịu hậu quả của tư tưởng trọng nam khinh nữ, dịch giả chuyển dịch thành *Hàng rào nghiệt ngã*. Trong đó, *hàng rào* có thể đại diện cho cả ba đối tượng được nhắc đến trong tiêu đề, *ngiệt ngã* là một tính từ được tác giả thêm vào một cách rất đặc địa, phối hợp với ý nghĩa ẩn dụ của *hàng rào* khiến cho lời dịch vừa toát lên được tinh thần, nội dung tư tưởng trung tâm của tác phẩm, vừa ngắn

gọn, có khả năng gợi hình, gợi cảm, thể hiện tính sáng tạo to lớn của dịch giả. Cái gọi là “tác giả thứ hai” đã được thể hiện rõ nét trong lời dịch này. Phim 遇见爱情的利先生 (Lợi tiên sinh khi đã gặp tình yêu), tiêu đề nguồn có tới 8 âm tiết, dịch giả đã lược bỏ 4 âm tiết cuối, chỉ để lại 4 âm tiết đầu 遇见爱情 (ngộ kiến ái tình) nhằm giúp cho tiêu đề sau khi dịch trở nên ngắn gọn mà vẫn toát lên được tinh thần của tác phẩm. Lời dịch tiêu đề *Bắt gặp tình yêu* là lời dịch có thể chấp nhận được, thể hiện bản lĩnh làm chủ được ngôn bản nguồn cũng như ngôn bản đích của dịch giả. Phim 珠江满情 (Tình đầy Châu Giang) do Vương Tiến (王进), Viên Thế Kỷ (袁世纪) làm đạo diễn cũng là một ví dụ đáng lưu ý. Dịch giả lược bỏ “đầy”, chỉ để lại *Tình Châu giang* nhưng không ảnh hưởng đến hình thức và nội dung tiêu đề nguồn truyền tải, lại rất phù hợp với cách biểu đạt của tiếng Việt. Ngược lại, nếu dịch hoàn nguyên sang tiếng Hán, nhìn chung cần có sự xuất hiện của từ 满 *mãn* (đầy), nếu không sẽ phải thêm trợ từ kết cấu 之 *chi* (珠江之情), còn như tiếng Hán không tồn tại cách biểu đạt 珠江的情. Tiêu đề phim 风中奇缘 (phong trung kỳ duyên) do Lý Quốc Lập (李国立) làm đạo diễn cũng tương tự, dịch giả chỉ cần chuyển đổi trật tự từ theo quy tắc ngữ pháp tiếng Việt và chuyển hóa thành tổ Hán *phong trung* sang thành tổ Việt *trong gió* để có lời dịch *Kỳ duyên trong gió* vừa đảm bảo được hình thức, phong cách ngôn ngữ, vừa bám sát nội dung tiêu đề nguồn.

Loại thứ ba là lời dịch hoàn toàn tương ứng cả về nội dung và hình thức ngôn ngữ của tiêu đề nguồn, chẳng hạn như phim 杉杉来了 (Sam Sam đến rồi) do Cố Mạn (顾漫) làm đạo diễn, cũng là tác giả kịch bản, phim 下一站是幸福 (Trạm kế tiếp là hạnh phúc) do Đinh Tử Quang (丁梓光) làm đạo diễn. Điều đáng nói ở đây là những tiêu đề dạng này ngay từ ngôn bản nguồn đã không mang tính hàm ẩn mà nghĩa của câu từ hoàn toàn nằm ở bề nổi, hơn nữa, cách biểu đạt lại hoàn toàn tương ứng với ngôn ngữ đích. Đó là những điều kiện thuận lợi giúp cho dịch giả không cần lao tâm khổ tứ cân nhắc, lựa chọn mà vẫn đưa ra được lời dịch chuẩn, tương ứng hoàn toàn với tiêu đề nguồn. Có điều, từ 站 (trạm) trong tiếng Hán với ngữ cảnh này cần đổi thành bến, ga sẽ hợp lý hơn, tùy theo cái gọi là điểm dừng đó là của phương tiện xe lửa hay ô tô, tàu điện... Phim 小姐你早 (Chào tiểu thư) của đạo diễn Trì Lợi (池莉) được chuyển dịch thành *Chào tiểu thư* cũng thể hiện phần nào sự sáng tạo và khả năng xử lý ngôn từ để có được lời dịch vừa phù hợp với thói quen biểu đạt của tiếng Việt, vừa thể hiện nét đặc thù của từ *tiểu thư* trong tiếng Việt trên tinh thần “bình cũ rượu mới”. Phim 温柔的陷阱 do Hướng Bắc (向北) làm đạo diễn, được chuyển dịch thành *Cạm bẫy ngọt ngào*. Dịch giả đã rất thành công trong việc hoán đổi từ biểu thị xúc giác 温柔 *ôn nhu* (*mềm mại*) sang từ vị giác ngọt ngào. Sự chuyển hóa đó hoàn toàn hợp lý vì nó không ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin, lại thể hiện được một cách rất tự nhiên thủ pháp tu từ trong tiêu đề nguồn.

Trường hợp thứ tư là thay đổi hoàn toàn hình thức và nội dung tiêu đề nguồn, tạo tiêu đề mới nhưng vẫn phù hợp nội dung tư tưởng của bộ phim, như phim 青春斗 Thanh xuân đấu (tuổi xuân vật lộn/ tuổi xuân tranh đấu) do Triệu Bảo Cương (赵宝刚) làm đạo diễn, dịch giả chuyển đổi thành *Ngã rẽ cuộc đời*. Hai tiêu đề tiếng Hán và tiếng Việt này không liên hệ gì với nhau cả về hình thức ngôn ngữ và thông tin truyền đạt. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung, phim kể về câu chuyện các cô sinh viên vừa tốt nghiệp đại học muốn lập nghiệp ở thành phố với bao biến cố, bon chen, trắc trở, chông gai cả về sự nghiệp, tình yêu và tình bạn, cuối cùng mỗi người đều phải đưa ra lựa chọn cho mình về con đường phía trước. Nắm bắt được tư tưởng chủ đạo của tác phẩm, dịch giả đã chuyển đổi thành *Ngã rẽ cuộc đời* hoàn toàn logic với nội dung phim và khán giả Việt Nam không biết tiếng Hán sẽ tiếp nhận phim một cách thoải mái, vô tư và không mấy suy tính đến phương thức chuyển dịch tiêu đề. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, trường hợp này là dịch giả đã đặt tên mới cho phim bằng tiếng Việt

chứ không phải là dịch tiêu đề. Đã là dịch thì ở chừng mực nào đó cho phép vẫn phải giữ được ý của tiêu đề nguồn. Theo chúng tôi, tiêu đề phim này nên dịch thành *Tuổi thanh xuân tranh đấu/ Tuổi xuân tranh đấu...* sẽ hợp lí hơn vì vẫn bám sát tiêu đề nguồn, đúng với tinh thần của việc chuyển dịch chứ không phải phóng tác. Phim 我只喜欢你 (Anh chỉ thích em) do Vương Chi (王之) làm đạo diễn vốn cải biên từ tác phẩm tùy bút của Kiều Nhất (乔一) nhan đề *Tôi không thích thế giới này, tôi chỉ thích em thôi* (我不喜欢这个世界，我只喜欢你), tuy nhiên khi đặt tên phim, tác giả đã lược bỏ về trước, chỉ để lại về sau cho ngắn gọn. Phim được dịch thành *Yêu lại từ đầu*. Giữa bản nguồn và bản dịch của tiêu đề này không có mối liên hệ về mặt ngôn từ. Theo quan điểm của chúng tôi, đây cũng là trường hợp đặt lại tiêu đề chứ không phải là chuyển dịch. Một ví dụ khác là phim 都挺好 (Đều rất tốt) do Giả Xuyên Hòa 简川訦 làm đạo diễn, phim kể về câu chuyện của Tô Minh Ngọc - con gái út một gia đình có hai anh trai, phải chịu nhiều uất ức, thiệt thòi do tư tưởng trọng nam khinh nữ gây ra, từ khi bắt đầu khôn lớn, cô đã có ý thức phản kháng và quyết vượt lên theo đuổi sự nghiệp. Dịch giả chuyển hóa tiêu đề nguồn 都挺好 thành *Vòng quay hạnh phúc*. Như vậy, cũng như trường hợp phim *Ngã rẽ cuộc đời*, người ta sẽ không tìm thấy bất cứ mối liên hệ nào về hình thức cũng như nội dung của tiêu đề nguồn với tiêu đề sau khi chuyển dịch. Chúng tôi cho rằng, lời dịch tiếng Việt của bộ phim này cũng là “phóng tác”, là đặt tên mới bằng ngôn ngữ đích cho phim. Bản dịch tiếng Anh của phim này là *All is well*, vậy vì lí do gì mà dịch giả không chuyển dịch thành *Tất cả đều rất ổn/ Tất cả đều rất tốt*, thậm chí là *Tất cả đều rất ok* cho “teen” hơn, thu hút giới trẻ hơn. Phim 何以笙箫默 (Cái gì làm senh tiêu lặng tiếng/ Cách nào khiến cho senh tiêu lặng tiếng) do Lưu Tuấn Kiệt (刘俊杰) làm đạo diễn cũng là trường hợp tương tự, dịch giả đã phóng tác thành *Bên nhau trọn đời* tuy phù hợp với nội dung của tác phẩm, nhưng không gắn kết với tiêu đề nguồn. Tiêu đề nguồn này có giá trị tu từ cao, *tiếng senh tiêu* - tiếng nhạc tạo ra từ nhạc cụ bằng tre trúc mang ý nghĩa ẩn dụ, thêm vào đó là hình thức 5 âm tiết khiến người nghe cảm thấy như đang tiếp xúc với một câu thơ ngũ ngôn gọn gàng, súc tích, đầy sức gợi tả. Tuy nhiên, nếu dịch sát nghĩa và cấu trúc sẽ khó có thể nhận được cảm tình của khán giả người Việt. Dịch giả chọn cách “phóng tác” cũng là lựa chọn thông minh giúp cho tiêu đề bản dịch hấp dẫn không kém nguyên bản. Chúng tôi cho rằng, “hiện tượng phóng tác” này ở chừng mực nào đó có thể chấp nhận được đối với phim ảnh - những tác phẩm nghệ thuật có sức cạnh tranh lớn trên thương trường, tên phim có thể coi như tên “thương phẩm đặc biệt” cần có sự sáng tạo để làm nên sức hấp dẫn cho mỗi bộ phim ngay từ tiêu đề. Trường hợp này thường áp dụng cho tiêu đề nguồn có hình thức ngôn ngữ đơn thuần hoặc độ khó cao.

Loại thứ năm là dịch giả thay đổi hình thức ngôn ngữ, không bám sát nội dung, xa rời nguyên bản. Theo chúng tôi, đây là những trường hợp dịch không đạt, vừa mâu thuẫn với tiêu đề nguồn, vừa không phù hợp với nội dung tác phẩm. Ví dụ như phim 你的生命如此多情 (Sinh mạng/ Cuộc đời anh đa tình như vậy) do Doãn Lực (尹力) làm đạo diễn. Nội dung chính của phim kể về Lưu Văn Khánh - bạn trai của cô gái Lâm Tinh xinh đẹp đã rắp tâm dùng sắc đẹp của bạn gái để tiếp cận Tập đoàn Trường Thiên, nhằm đạt được mục đích kinh tế và chiếm lĩnh phần lớn cổ phần của Tập đoàn này. Kết cục mà gã trai này phải gánh chịu là sự đổ vỡ. Trong phim xuất hiện những mối tình tay ba chằng chéo với hàng loạt mưu mô toan tính cá nhân. Tiêu đề này được dịch thành *Tình yêu lớn trong đời*. Trong tiếng Việt, *tình yêu lớn* thường gọi cho người ta hình dung về một trái tim bao la, đức hy sinh cao cả vì nghĩa lớn. Chế Lan Viên trong *Người đi tìm hình của nước* đã nhắc đến hình ảnh *giường chiếu hẹp, giấc mơ con, cuộc đời con* đều là biểu trưng cho những gì ích kỉ, hẹp hòi của chủ nghĩa cá nhân, hoàn toàn đối lập với ước mơ lớn lao, cuộc đời vĩ đại, tình yêu bao la... Có thể nói, lời dịch *Tình yêu lớn trong đời* hoàn toàn trái ngược với tư tưởng nội dung của tác phẩm. Để tránh mắc

lỗi cơ bản này, dịch giả cần phải kết hợp tiêu đề với nội dung phim, thông qua phân tích, lí giải, hiểu đúng dụng ý của tác giả gửi gắm trong tiêu đề nguồn, sau đó mới có thể đưa ra lời dịch xác đáng được. Theo quan điểm của chúng tôi, trên cơ sở nghiên cứu, thấu hiểu tinh thần của bộ phim, vận dụng các thủ pháp thêm bớt, hoán đổi từ, có thể dịch tiêu đề bộ phim này thành *Kiếp đa tình*, trong đó, *kiếp* đã toát lên được tinh thần của từ 生命 (*sinh mạng*), 多情 (*đa tình*) vẫn giữ nguyên hình thức và nội dung trong tiêu đề nguồn. Lời dịch ngắn gọn chỉ còn chưa đến một nửa số âm tiết, một số từ đã bị lược bỏ, nhưng vẫn toát lên được tinh thần của tác phẩm. Với cái tên *Kiếp đa tình*, phim chắc hẳn sẽ “ăn khách” hơn, doanh thu sẽ cao hơn so với tên *Tình yêu lớn trong đời*.

Tóm lại, từ thực trạng chuyển dịch tiêu đề của các bộ phim tâm lí xã hội Trung Quốc ở Việt Nam hiện nay, có thể thấy phần lớn dịch giả đã chú ý đến các nhân tố ngôn ngữ, văn hóa, vận dụng các thủ pháp, kĩ năng, kĩ xảo để đưa ra lời dịch vừa đảm bảo nội dung vừa trau chuốt về hình thức nhằm kích thích ham muốn xem phim của khán giả, tuy nhiên, vẫn còn một số tiêu đề lạm dụng từ Hán Việt hoặc chuyển dịch xa rời ngôn bản nguồn, thậm chí sai lệch tư tưởng nội dung của kịch bản. Tình trạng này cần được nhanh chóng khắc phục. Kể cả trường hợp phóng tác, mặc dù lời dịch mượt mà, gắn với nội dung tác phẩm nhưng cũng cần được xem xét lại. Trên tinh thần tôn trọng ngôn bản nguồn và tác giả kịch bản, dịch giả cần phải dày công hơn nữa trong chuyển dịch, sao cho tiêu đề bằng ngôn ngữ đích vẫn phải tương ứng với tiêu đề nguồn và thực sự là sản phẩm của dịch thuật.

4. Nguyên nhân và giải pháp

Theo tìm hiểu của chúng tôi, sở dĩ dịch tiêu đề phim hiện nay còn một số bất cập chủ yếu là do hai nguyên nhân chủ quan và khách quan. Thứ nhất là độ khó của tiêu đề nguồn cao, tính cô đọng của ngôn từ khiến dịch giả khó có thể tìm được cách biểu đạt tương ứng cả về nội dung và hình thức. Thứ hai là do áp lực về thời gian. Nhìn chung, một kịch bản phim đều phải chuyển dịch trong một khoảng thời gian hữu hạn để kịp phát sóng, khiến cho dịch giả dù muốn cũng khó có thể đủ thời gian cân nhắc chọn lựa ngôn từ như ý. Thứ ba là do tác động của kinh tế thị trường, thù lao cho dịch phim chưa cân xứng với tâm sức của những dịch giả có trình độ cao. Đôi khi hiện tượng bao thầu, chuyển nhượng dịch giả dẫn tới có những bộ phim được dịch bởi người trẻ chưa có đủ kinh nghiệm và bản lĩnh. Vì vậy, hạn chế, thậm chí sai sót trong chuyển dịch tiêu đề và cả trong lời thoại của các tập phim là điều khó tránh.

Đối mặt với thực trạng này, chúng tôi cho rằng, để có được những bản dịch như ý làm vui lòng khán thính giả, trước hết cần tăng cường công tác quản lí dịch phim, trước khi ra mắt khán giả cần thông qua công tác hiệu đính sát sao hơn. Thứ hai là nâng cao mức thù lao để thu hút những dịch giả có trình độ chuyên môn vững vàng, tạo ra động lực giúp cho họ hoàn thành tốt công việc của mình với tinh thần trách nhiệm cao. Thứ ba, đối với các dịch giả mới vào nghề cần tranh thủ sự quan tâm dìu dắt, trao đổi ý kiến, tiếp thu kinh nghiệm của thế hệ dịch giả đi trước. Thứ tư, với một bộ phim nhiều tập lại chịu áp lực về thời gian thì ban quản lí cần huy động nhóm dịch và có sự phân công, đồn đốc, thống nhất phong cách chuyển dịch trong toàn nhóm. Thứ năm là, đài truyền hình cần trưng cầu ý kiến khán giả để kịp thời nhận được ý kiến đóng góp, làm cơ sở điều chỉnh và sàng lọc đội ngũ, không ngừng nâng cao bản lĩnh, trình độ chuyên môn của đội ngũ dịch giả, nhằm có được những bản dịch hay, bám sát bản nguồn, góp phần tăng thêm sức hấp dẫn của phim truyền hình nước ngoài đối với đông đảo khán giả Việt Nam.

5. Lời kết

Phim truyền hình từ lâu đã trở thành phương thức giải trí lành mạnh của mỗi nhà. Những năm gần đây, tuy truyền hình phải đối mặt với nhiều thách thức bởi các phương tiện truyền thông hiện đại, tiện lợi hơn, nhưng vẫn được đông đảo khán giả, nhất là lớp trung niên và cao niên quan tâm. Ngoài những yếu tố kịch bản, diễn viên, đạo diễn, dịch thể nào cho hay, truyền tải được tinh thần của từng câu từng chữ trong phim, nhất là tiêu đề cũng là vấn đề quan trọng quyết định đến sự lựa chọn phim truyền hình của khán giả. Từ kết quả khảo sát thực trạng dịch tiêu đề phim tâm lý xã hội Trung Quốc, chúng tôi đã chia những phương thức dịch tiêu đề phim hiện hành thành năm loại, và tiến hành phân tích, làm rõ đặc điểm, ưu nhược của từng loại. Bài viết cũng đưa ra những kiến giải về nguyên nhân và cách khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dịch phim. Trong đó, công tác đào tạo đội ngũ biên phiên dịch ở các cơ sở đào tạo ngoại ngữ đóng vai trò tiên quyết nhằm cung cấp cho thị trường phim những dịch giả có nền tảng ngôn ngữ, văn hóa vững chắc, lại có lòng yêu nghề và trách nhiệm cao với công việc, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khán giả truyền hình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Anh, *Thử phân loại tiêu đề các văn bản báo chí*, Ngôn ngữ & Đời sống, Số 9, 1999.
2. Nguyễn Thị Vân Đông, *Những đặc trưng ngôn ngữ của tiêu đề báo chí tiếng Anh và tiếng Việt trên bình diện nghĩa học*, Ngôn ngữ & Đời sống, Số 7(237), 2015.
3. Phạm Ngọc Hàm, Ngô Minh Nguyệt, *Đôi nét về đặc điểm tiêu đề bài học trong giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán*, Ngôn ngữ & Đời sống, Số 10, 2015.
4. Phạm Ngọc Hàm, *Về đặc điểm tiêu đề văn bản hợp đồng tiếng Hán trong tương quan với tiếng Việt*, Ngôn ngữ & Đời sống, Số 4, 2015.
5. Vũ Quang Hào, *Ngôn ngữ báo chí*, Nxb Thông tấn, 2012.
6. Triệu Thu Hằng, *Mô hình chức năng - dụng học trong đánh giá chất lượng bản dịch văn học: Từ lý thuyết tới thực tiễn áp dụng*, Nghiên cứu Nước ngoài, 33(4), 2017.
7. Đỗ Thị Thanh Huyền, *Bàn về đặc điểm đầu đề bài viết trên báo nhân dân*, Ngôn ngữ & Đời sống, Số 10, 2015.
8. Đỗ Thị Thanh Huyền, *Đặc điểm đầu đề bài viết trên “Nhân dân Nhật báo” Trung Quốc và những vấn đề liên quan trong dịch thuật*, Nghiên cứu nước ngoài, Số 2, 2017.
9. Nguyễn Thị Thanh Hương, *Một số nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ các đầu đề trong báo chí tiếng Anh hiện đại*, Ngôn ngữ, Số 9+10, 2011.
10. Đinh Hồng Vân, *Phân tích thông tin trong dịch ngôn bản*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: *Nghiên cứu và giảng dạy Ngoại ngữ, Ngôn ngữ và Quốc tế học tại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.

Tiếng Trung

11. 阮氏凤, *21世纪以来中国报纸新闻标题的语言特点及其越译研究 - 以人民日报为例*, 河内国家大学下属外语大学博士论文, 2020.
12. 黄勇民, *翻译教学与研究*, 复旦大学出版社, 2010.
13. 李葆嘉、唐志超, *现代汉语规范词典*, 吉林大学出版社, 2001.
14. 叶苗, *关于“语用翻译学”的思考*, 中国翻译, 第5期, 1998.
15. 胡悦芝, *从关联理论探讨中国对外宣传资料的翻译*, 文艺生活文海艺苑第7期, 2013.
16. 龙源期刊网 <http://www.qikan.com.cn>, truy cập ngày 25/2/2021.